TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 39/2019/QĐST-HNGĐ	K, ngày 16 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số 47/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/3/2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bạch Thị Kim T, sinh năm 1991; ĐKHKTT: Xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tạm trú: Xóm Đ, xã M, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Bị đơn: Anh Đoàn Văn N, sinh năm 1992; ĐKHK và chỗ ở: Xóm T, xã V, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05/4/2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05/4/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bạch Thị Kim T với anh Đoàn Văn N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con: Chị Bạch Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của vợ chồng là Đoàn Kim C, sinh ngày 20/10/2014. Anh Đoàn Văn N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị T mỗi tháng 2.000.000^{đ}, kể từ tháng 4/2019 đến khi con chung thành niên; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.
- Về án phí: Chị Bạch Thị Kim T nộp toàn bộ án phí ly hôn là 150.000^{đ} và 150.000^{đ} án phí cấp dưỡng nuôi con (Tổng số tiền án phí cả hai khoản phải nộp là 300.000^{đ}) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^{đ} tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2013/0002992 ngày 26/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh